

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **284/2017/HSST**
Ngày: 18/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Tòa án nhân dân QUẬN NAM TỪ LIÊM, thành phố HÀ
NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và bà Trần Thị Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến, Thư ký tòa
án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận
Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét
xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 289/2017/HSST ngày 30 tháng
10 năm 2017 đối với các bị cáo:

Ngô Văn T, sinh năm 1986; ĐKNKTT và ở: thôn A, Xã B, Hà Nội;
Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Bán hàng nước; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn
giáo: Không; Con ông: Ngô Ngọc C, sinh năm 1962; Con bà: Bùi Thị V,
sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị Q, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Có 01 con
sinh năm 2010.

Tiền án: tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 85/HSST ngày 26/09/2006, Tòa án nhân dân thị xã Sơn
Tây, Hà Tây xử phạt 36 tháng treo/48 tháng thử thách về tội: Vi phạm quy
định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo Điều 202 K2 điểm
a BLHS, nộp phạt 50.000 đồng án phí hình sự.

- Bản án số 05/HSST ngày 23/02/2011, Tòa án huyện Phúc Thọ, Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tài sản trị giá 13.500.000 đồng ngày 09/4/2010). Tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của bản án số 85 26/09/2006 buộc Ngô Văn T phải chấp hành hình phạt chung 51 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 17/11/2010, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 16/05/2011. Ra trại 17/8/2014.

Danh chỉ bản số 000000301 lập ngày 21/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo đầu thú ngày 20/04/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/4/2017, đến ngày 27/4/2017 chuyển qua bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 của Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1991; NKTT và ở: xóm 2, đội 4, E, F, G, Hải Dương; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: cắt tóc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc I, sinh năm 1959; Con bà: Nguyễn Thị J, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1993; Có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 17/6/2015, Công an huyện Gia Lộc, Hải Dương phạt 2.500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Danh chỉ bản số 000000274 lập ngày 13/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2017, đến ngày 14/4/2017 chuyển quan bị tạm giam tại Trại giam số 1 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Tùng L, sinh ngày 08/5/ 2000; Khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 9 tháng 29 ngày. NKTT và ở: đội 4, E, F, G, Hải Dương; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972; Con bà: Phạm Thị N, sinh năm 1979.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 10/3/2016, Công an huyện Gia Lộc, Hải Dương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác xảy ra ngày 7/01/2016.

Danh chỉ bản số 000000275 lập ngày 13/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo đầu thú ngày 04/4/2017, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn O, sinh năm 1991; NKTT và ở: đội 1, E, F, G, Hải Dương; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; Con bà: Phạm Thị R, sinh năm 1966.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 000000272 lập ngày 13/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 05/4/2017, đến ngày 14/4/2017 chuyển qua bị tạm giam tại Trại giam số 1 của Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Đỗ Phương H, sinh năm 1985; NKTT và ở: số 20, phố Đồng Tiến, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Quang S, sinh năm 1953; Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1957; Vợ: Phạm Thị U, sinh năm 1989; Có 02 con (Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 253/HSST ngày 17/12/2012, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 9 tháng treo 17 tháng 12 ngày thử thách về hành vi Đánh bạc (số tiền 8.300.000 đồng), phạt 3.000.000 đồng xung quỹ, án phí 200.000 đồng đã nộp ngày 17 và 19/12/2012.

Danh chỉ bản số 000000273 lập ngày 13/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2017, đến ngày 14/4/2017 chuyển qua bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 của Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bùi Văn W, sinh năm 1990; NKTT: An Tân, Gia Tân, G, Hải Dương; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Chăm đồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn X, sinh năm 1944; Con bà: Phạm Thị Y; sinh năm 1959.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 000000271 lập ngày 13/4/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2017, đến ngày 14/4/2017 chuyển qua bị tạm giam tại Trại giam số 1 của Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Vũ Văn Z, sinh ngày 07/11/2001. Khi phạm tội bị cáo mới 15 tuổi 04 tháng. NKTT và ở: F, G, Hải Dương; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Văn A1, sinh năm 1976; Con bà: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1977.

Tiền án tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 000000437 lập ngày 17/8/2017 lập tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Lê Xuân B1, sinh năm 1985**. NKTT: Thôn C1, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: 9/86 đường K2, E1, F1, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bị hại Ông **Lê Minh G1, sinh năm 1959**. NKTT: Thôn C1, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Tùng L: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972. NKTT: đội 4, E, F, G, Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tùng L: Bà Lê Thị H1 - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho bị cáo Vũ Văn Z: Ông Vũ Văn A1, sinh năm 1976. NKTT: Gia Bùi, F, G, Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Z: Ông Đỗ Xuân I1 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (CCHNLS số: 12813/TP/LS-CCHN ngày 29/4/2016). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2015, anh Lê Xuân B1 thuê Lê Duy J1 (Sinh năm 1993; NKTT: K1, xã L1, huyện M1, tỉnh Thanh Hóa) cung cấp nhân công để thầu xây dựng Công trình ở Long Biên, Hà Nội. Sau khi đã chốt công nợ, Lê Xuân B1 còn nợ Lê Duy J1 52.000.000 đồng lương nhân công. Lê Duy J1 đòi nhiều lần, Lê Xuân B1 không trả, không nghe điện thoại. Khoảng tháng

4/2016, Lê Duy J1 có nhờ Nguyễn Ngọc D đòi nợ Lê Xuân B1. D đến nhà anh Lê Xuân B1 ở C1, Hải Dương 02 đến 03 lần để tìm B1 đòi nợ nhưng không gặp.

Tháng 11/2016, Nguyễn Ngọc D và Lê Xuân B1 gặp nhau tại quán cầm đồ N1 của Bùi Văn W ở Ki ốt số 88A chợ O1, phường O1, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Ngọc D và Bùi Văn W đòi Lê Xuân B1 trả nợ 52.000.000 đồng, anh Lê Xuân B1 nói đã trả Lê Duy J1 20.000.000 đồng, chỉ nợ lại 32.000.000 đồng. Nguyễn Ngọc D và anh Lê Xuân B1 không thống nhất được số tiền nợ.

Ngày 06/3/2017, biết anh Lê Xuân B1 đang làm tại Công trường xây dựng Vinhomes Garden đường K2 Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Lê Duy J1 bảo Ngô Văn T gọi Lê Xuân B1 ra khỏi công trường để nhờ người đến đòi nợ.

Khoảng 10 giờ ngày 7/3/2017, Nguyễn Ngọc D rủ Nguyễn Văn O, Nguyễn Tùng L, vũ Văn Z lên Hà Nội chơi và thuê Đỗ Phương H lái xe taxi BKS: 34A – XXX.46 chở cả bọn từ Hải Dương lên Hà Nội chơi. Trên đường đi, Lê Duy J1 điện thoại bảo Nguyễn Ngọc D là Lê Xuân B1 đang làm ở công trường Vinhomes và bảo Toàn đến nói chuyện. Nguyễn Ngọc D thông báo cho mọi người trên xe lên Hà Nội bắt nợ.

Khoảng 13 giờ 30 phút Ngô Văn T vờ điện thoại cho anh Lê Xuân B1 để nhờ đưa vào làm công nhân trong công trường. Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn O, Nguyễn Tùng L và Vũ Văn Z ngồi trên xe ô tô quan sát, thấy anh Lê Xuân B1 đi ra nói chuyện với Ngô văn T đã mở cửa xuống xe thì anh B1 bỏ chạy, Ngô Văn T túm áo kéo anh B1 lại, Nguyễn Tùng L, Nguyễn Văn O, Nguyễn Ngọc D và Vũ Văn Z lao đến túm ôm giằng co đẩy anh B1 lên xe ô tô. Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn O, Nguyễn Tùng L, Đỗ Phương H đưa anh B1 về Hải Dương. Trên đường đi Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn O chửi bới và đánh, tát anh B1 mấy cái. Nguyễn Ngọc D yêu cầu anh B1 trả nợ 52.000.000 đồng ngay, anh B1 gọi điện thoại cho người quen hỏi vay tiền trả nợ nhưng không được, về đến gần thành phố Hải Dương Nguyễn Ngọc D gọi điện thoại bảo Bùi Văn W là bắt được Lê Xuân B1 nợ tiền, em đưa lên quán anh nói chuyện giúp em. Đến G, Hải Dương, Nguyễn Tùng L tát anh B1 02 cái và xuống xe về nhà.

Khoảng 15 giờ 30 phút, về đến quán cầm đồ N1, Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W, Nguyễn Văn O, Vũ Văn Z đưa anh B1 vào, rồi Nguyễn Văn O ra ngoài ngồi. Khi vào Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W có chửi bới, đe dọa đâm, tát và yêu cầu anh B1 phải viết giấy nhận nợ. Khi anh B1 chưa kịp viết giấy

thì Nguyễn Ngọc D yêu cầu anh B1 gọi cho bố là Lê Minh G1 (Sinh năm 1959) bảo lên quán cầm đồ N1.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi ông Lê Minh G1 đến, Nguyễn Ngọc D nói con ông nợ tiền đòi nhiều lần không trả, không trả được, ông phải trả nợ cho B1, không có tiền thì phải viết giấy nhận nợ thay B1. Ông Lê Minh G1 nói không có tiền trả, không nợ nần, không viết giấy. Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W nói: Không viết đừng có rời khỏi đây. Sợ B1 bị đánh, ông Lê Minh G1 phải ngồi xuống bàn, D đọc cho ông G1 viết giấy vay nợ 52.000.000 đồng hẹn trả ngày 12/3/2017. Nguyễn Ngọc D bảo ông Lê Minh G1 để lại thẻ căn cước công dân. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày sau khi ông Lê Minh G1 viết xong giấy vay nợ, Nguyễn Ngọc D và Bùi Văn W cho anh B1 và ông G1 về. Khi đến cửa, Nguyễn Ngọc D còn rút dép tông đang đi đánh 05 đến 06 cái vào mặt anh B1. Sau đó, bố con anh B1 đến Công an thành phố Hải Dương trình báo.

Ngày 5/4/2017, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn O, Bùi Văn W, Đỗ Phương H bị bắt khẩn cấp. Ngày 20/4/2017, Ngô Văn T ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc D:
 - 01 điện thoại di động Viettel;
 - 01 giấy vay tiền 52.000.000 đồng do ông Lê Minh G1 ký;
 - 01 thẻ căn cước công dân của Lê Minh G1.

2. Thu giữ của Đặng Duy P1:

- 01 chiếc xe ô tô Vios BKS: 34A – XXX.46.

Đối với chiếc xe Vios BKS: 34A – XXX.46 màu ghi bạc là của anh Đặng Duy P1 (SN 1984, NKTT: số 14, phố Đồng Tiến, G, Hải Dương) thuê Đỗ Phương H lái xe taxi chở khách. Anh Đặng Duy P1 không biết Đỗ Phương H sử dụng xe chở Nguyễn Ngọc D cùng đồng bọn bắt, giữ anh Lê Xuân B1 nên Công an quận Nam Từ Liêm không xử lý.

Ngày 18/9/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm trao trả ông G1 đã nhận lại thẻ căn cước. Trả anh Đặng Duy P1 01 chiếc xe ô tô Vios BKS: 34 A-XXX.46. Anh G1, anh P1 nhận lại tài sản không có ý kiến gì.

Hành vi của Lê Duy J1 nhờ Nguyễn Ngọc D đòi nợ hộ nhưng không biết là Nguyễn Ngọc D cùng đồng bọn bắt, giữ đánh đập, đe dọa để đòi nợ

anh Lê Xuân B1, bắt ông Lê Minh G1 phải viết giấy vay nợ 52.000.000 đồng thay anh B1 nên Công an quận Nam Từ Liêm không xử lý.

Hành vi của Vũ Văn Z bắt, giữ anh Lê Xuân B1 khi phạm tội Thành 15 tuổi 4 tháng, chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an quận Nam Từ Liêm không xử lý Thành về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

Anh Lê Xuân B1 và ông Lê Minh G1 đề nghị xử lý theo pháp luật và không yêu cầu về dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W, Nguyễn Văn O, Đỗ Phương H, Ngô Văn T, Nguyễn Tùng L và Vũ Văn Z khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 266/CT-VKS ngày 27/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Ngọc D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Tùng L, Nguyễn Văn O, Đỗ Phương H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999; Bùi Văn W và Vũ Văn Z về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát quận Nam Từ Liêm đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt: Ngô Văn T: từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; Nguyễn Ngọc D từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, từ 42 đến 48 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Nguyễn Tùng L từ 03-6 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Nguyễn Văn O từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Đỗ Phương H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Bùi Văn W từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Vũ Văn Z từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa, người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Tùng L, bị cáo Vũ Văn Z mong muốn Hội đồng xét xử xem xét nhân thân hai bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức còn hạn chế, phạm tội do thiếu hiểu biết, bị rủ rê, lôi kéo...để giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, người giám hộ cho các bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến gì về Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo cũng như phần luận tội của

Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo trong lời nói sau cùng cũng nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về xã hội để giúp đỡ gia đình và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 7/3/2017, tại đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Ngô Văn T, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn O, Nguyễn Tùng L và Đỗ Phương H có hành vi bắt, giữ người trái phép do anh Lê Xuân B1 đưa về quán cầm đồ N1 của Bùi Văn W ở ki ốt số 88A, chợ O1, phường O1, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tại đây, Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W và Vũ Văn Z có hành vi chửi bới, tát đánh, đe dọa bắt anh Lê Xuân B1 và ông Lê Minh G1 phải trả nợ, phải viết giấy vay tiền 52.000.000 đồng mới cho anh Lê Xuân B1 về.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Ngọc D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự 1999; Nguyễn Tùng L, Nguyễn Văn O, Đỗ Phương H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999; Bùi Văn W và Vũ Văn Z về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 1999 thì “*Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*”.

Theo điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự 1999 thì:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

d. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự xã hội, nên cần được xét xử nghiêm minh theo quy định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Ngọc D giữ vai trò cầm đầu, các bị cáo khác bị D rủ rê, lôi kéo, giữ vai trò như nhau trong vụ án.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Ngô Văn T: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Tại hồ sơ thể hiện bị cáo phạm tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm, tuy nhiên căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 “về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13”, công văn số 276/TANDTC – PC ngày 13/9/2016 hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn đương nhiên xóa án của bị cáo là 02 năm, do đó không xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu bị xét xử. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Tùng L: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú và là người chưa thành niên. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn O: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu bị xét xử. Đây là những tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Phương H: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Bùi Văn W: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu bị xét xử, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Văn Z: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu bị xét xử, bị cáo là người chưa thành niên. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo: Ngô Văn T, Nguyễn Ngọc D, Bùi Văn W, Đỗ Phương H, Nguyễn Văn O, Vũ Văn Z mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Còn đối với bị cáo Nguyễn Tùng L:

Với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét về nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo L là người chưa thành niên phạm tội, khi phạm tội bị cáo Nguyễn Tùng L mới 16 tuổi 9 tháng 29 ngày nên việc xử lý bị cáo L chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội nên không cần áp dụng biện pháp cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung.

Về vật chứng vụ án.

Tịch thu suy quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen thu giữ của Nguyễn Ngọc D.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 “về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13”; công văn số 276/TANDTC – PC ngày 13/9/2016 hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt **Ngô Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/ 4/2017.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 50 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt **Nguyễn Ngọc D** 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 42 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 51 (Năm mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2017.

Các bị cáo Nguyễn Tùng L, Nguyễn Văn O, Đỗ Phương H phạm tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60, Điều 68, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt **Nguyễn Tùng L** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt **Nguyễn Văn O** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt **Đỗ Phương H** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2017.

Các bị cáo Bùi Văn W và Vũ Văn Z phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt **Bùi Văn W** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135, điều điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 68, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999

Xử phạt **Vũ Văn Z** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu suy quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen

(Theo biên bản bàn giao nhận vật chứng số 15 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án quận Nam Từ Liêm)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98; Khoản 2 Điều 99 - Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 28 Nghị quyết quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, người giám hộ của bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

